

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05- 8- 2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Huy Tường

Bà Nguyễn Thị Lại

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 06/5/2022).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là chị Trần Thị N trình bày: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Mạnh H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 08/01/2019 tại UBND xã B (Nay là thị trấn B), huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi tổ chức kết hôn, chị N về gia đình anh H làm dâu ở gia đình chồng khoảng hơn 10 ngày thì chị N và anh H ra thành phố Hà Nội sinh sống, vì chị N và anh H đã chung sống với nhau ở thành phố Hà Nội từ trước cho đến khi kết hôn. Trong quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống sinh hoạt và về kinh tế vợ chồng bất đồng quan điểm, mặc dù được gia đình hai bên động viên hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chỉ được thời gian ngắn mâu thuẫn vợ chồng lại thường xuyên xảy ra nên vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 16/10/2020 cho đến nay. Chị Trần Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị N và anh Nguyễn Mạnh H có 01 con chung là Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 28/8/2019, hiện nay cháu K đang ở với chị N. Khi vợ chồng ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng đất nông nghiệp: Chị Trần Thị N xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh H vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H đã được Tòa án tiến hành giao, gửi, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh H đều không có mặt để làm việc theo thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án, đã từ bỏ quyền lợi được tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Nguyễn Mạnh H, kết quả xác minh được thể hiện như sau:

- Ông Nguyễn Văn H1 là bố đẻ của anh Nguyễn Mạnh H cung cấp: Gia đình ông H1 tổ chức hôn lễ cho anh H và chị N vào tháng 01/2019, anh H chị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã B (Nay là thị trấn B). Sau khi kết hôn, chị N về gia đình ông H1 ở cùng gia đình ông được khoảng 10 ngày thì anh H, chị N lại ra

thành phố Hà Nội ở. Tình cảm vợ chồng ban đầu chung sống hạnh phúc, được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống sinh hoạt vợ chồng không hòa hợp, gia đình hai bên có động viên, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ chỉ được thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn nên hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay.

Vợ chồng chị Trần Thị N và anh Nguyễn Mạnh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 28/8/2019 hiện nay cháu K đang ở với chị N. Chị N xin ly hôn anh H và đề nghị giải quyết về con chung, ông H1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản giữa chị N với gia đình ông H1 không liên quan nên ông H1 không có yêu cầu giải quyết.

Hiện nay anh H đi làm thường xuyên không có mặt tại nhà trong giờ làm việc, chỉ về nhà vào lúc 20 giờ, khi có giấy thông báo làm việc của Tòa án gửi về nhà ông H1 có nói cho anh H biết việc chị N xin ly hôn, thì anh H nói với ông H1: Không đến Tòa án làm việc, Tòa án cứ giải quyết theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị N, nay Tòa án giao giấy triệu tập, thông báo làm việc, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh H ông H1 từ chối không nhận, không ký vào văn bản của Tòa án lập đưa cho ông H1 ký mà ông sẽ thông báo cho anh H biết để đến Tòa án làm việc.

- Xác minh tại địa phương cung cấp: Anh Nguyễn Mạnh H là người địa phương, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Hiện tại anh H không thường xuyên có mặt tại địa phương, anh H nay làm gì, ở đâu địa phương không biết địa chỉ để cung cấp cho Tòa án. Việc anh Nguyễn Mạnh H và chị Trần Thị N kết hôn có tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã B (Nay là thị trấn B) vào năm 2019. Chị N xin ly hôn và đề nghị giải quyết về con chung với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật, mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn không có ý thức chấp hành pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 178; 179; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí đề nghị xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.
- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 28/8/2019. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Trần Thị N không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Anh Nguyễn Mạnh H được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Chị Trần Thị N xác định không có và không liên quan nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Mạnh H có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đơn khởi kiện của chị Trần Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị N vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; Anh Nguyễn Mạnh H vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành giao, gửi, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Mạnh H và chị Trần Thị N là đúng quy định tại các điều 178, 179, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị N kết hôn với anh Nguyễn Mạnh H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B (Nay là thị trấn B), huyện V, tỉnh Bắc Giang ngày 08/01/2019 được xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị N và anh H ở chung với gia đình được khoảng 10 ngày thì vợ chồng ra thành phố Hà Nội sinh sống, vợ chồng chung sống hòa thuận đến

tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống sinh hoạt vợ chồng không hòa hợp trong sinh hoạt và kinh tế gia đình, mặc dù đã được gia đình hai bên động viên, hòa giải chỉ được thời gian ngắn thì mâu thuẫn vợ chồng lại thường xuyên xảy ra, chị N và anh H đã sống ly thân từ ngày 16/10/2020 cho đến nay. Do vậy, xác định cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh H không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H là có căn cứ chấp nhận căn giải quyết cho chị N được ly hôn anh H theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị N, anh H có một con chung tên là Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 28/8/2019, hiện nay cháu K đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo đảm về sức khỏe, hiện tại cháu K dưới 36 tháng tuổi nên yêu cầu xin được nuôi con chung của chị N là có căn cứ cần giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất: Chị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 178, Điều 179, các điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 28/8/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị N không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Mạnh H được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Chị Trần Thị N xác định không có và không liên quan, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Trần Thị N đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006260 ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Trần Thị N đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND thị trấn Bích Động;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ngô Quang Dũng

